

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 17-6-2019

V/v trAh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Thái

2. Bà Nguyễn Thị Kim OAh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “TrAh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1959. **Trú tại: Ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre.**

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1981. **Trú tại: Ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre.**

(Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:

Ông Nguyễn Tấn A có tham gia các dây hụi do bà làm chủ, gồm:

Dây hụi thứ nhất, hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 04/3/2017, gồm có 22 phần, mẫn hụi vào tháng 11/2018. Ông A tham gia 01 phần, đã

đóng được 04 lần với số tiền 2.935.000 đồng. Ngày 15/6/2017, ông A hốt hụi được 15.240.000 đồng. Ông A đã đóng được 07 tháng hụi chết (từ tháng 6/2017 đến tháng 01/2018), đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng tiền cho bà. Ông A còn nợ bà số tiền hụi chết từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2018 là 10.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai, hụi 500.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 26/4/2017, gồm 26 phần, mãn hụi vào tháng 5/2019. Ông A tham gia 01 phần, đã đóng được 06 lần với số tiền 2.130.000 đồng. Ngày 06/9/2017, ông A hốt hụi được 7.400.000 đồng. Ông A đã đóng được 04 tháng hụi chết (từ tháng 9/2017 đến tháng 01/2018), đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng tiền cho bà. Ông A còn nợ bà số tiền hụi chết từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019 là 6.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba, hụi 500.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/8/2017, gồm 26 phần, mãn hụi vào tháng 8/2018. Ông A tham gia 01 phần, đã đóng được 05 lần với số tiền 1.775.000 đồng. Tháng 12/2017, ông A hốt hụi được 9.560.000 đồng. Ông A đã đóng được 14 tháng hụi chết (từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018, nhuận hai tháng 6), đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng tiền cho bà. Ông A còn nợ bà số tiền hụi chết từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018 là 3.500.000 đồng.

Dây hụi thứ tư, hụi 200.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 30/3/2017, gồm 27 phần, mãn hụi vào tháng 5/2019. Ông A tham gia 01 phần, đã đóng được 04 lần với số tiền 605.000 đồng. Tháng 8/2017, ông A hốt hụi được 3.690.000 đồng. Ông A đã đóng được 06 tháng hụi chết (từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018), đến tháng 02/2018 thì ngừng đóng tiền cho bà. Ông A còn nợ bà tiền hụi chết từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019 là 2.400.000 đồng.

Tổng cộng ông A còn nợ bà tiền hụi chết của 04 dây hụi là 21.900.000 đồng. Trong quá trình tổ chức chơi hụi, bà chỉ lập dAh sách ghi tên hụi viên chứ không lập thành văn bản có ký tên hay xác nhận gì. Khi ông A hốt hụi, bà cũng không cho ông A ký nhận tiền. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải có mặt của trưởng ấp T, xã K, ông A đã đồng ý trả mỗi tháng cho bà 3.000.000 đồng nhưng sau đó ông A không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu ông A trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 21.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn A trình bày:

Ông không tham gia hội do bà Ngô Thị L làm chủ hội, bà L tự ý ghi tên ông vào danh sách hội viên. Trước đây ông có chung sống với bà U (không đăng ký kết hôn) và bà U có tham gia hội của bà L. Trong quá trình chơi hội, bà U nhiều lần nhờ ông đem tiền đóng hội cho bà L. Bà U sau khi hốt hội đã bỏ đi khỏi địa phương. Sau khi bà U bỏ đi, bà L nhiều lần đến nhà chửi mắng trong lúc ông bị bệnh, đồng thời bà L giữ tiền hội của mẹ ông nên tại buổi hòa giải ở ấp ông có đồng ý trả mỗi tháng 3.000.000 đồng để bà L trả tiền hội cho mẹ ông. Nay bà L khởi kiện, ông không đồng ý trả cho bà L số tiền 21.900.000 đồng vì ông không tham gia hội cũng như không nợ tiền bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn A trú tại ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre trả số tiền nợ hội 21.900.000 đồng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L:

Nguyên đơn trình bày bị đơn có tham gia 04 dây hội do bà làm chủ gồm: hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 04/3/2017, ông A hốt hội được 15.240.000 đồng và còn nợ bà số tiền hội chết từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2018 là 10.000.000 đồng; hội 500.000 đồng/tháng, mở ngày 26/4/2017, ngày 06/9/2017 ông A hốt hội được 7.400.000 đồng và còn nợ bà số tiền hội chết từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019 là 6.000.000 đồng; hội 500.000 đồng/tháng, mở ngày 30/8/2017, tháng 12/2017 ông A hốt hội được 9.560.000 đồng và còn nợ bà số tiền hội chết từ tháng 02/2018 đến tháng 8/2018 là 3.500.000 đồng; hội 200.000 đồng/tháng, mở ngày 30/3/2017, tháng 8/2017 ông A hốt hội được 3.690.000 đồng và còn nợ bà tiền hội chết từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2019 là 2.400.000 đồng. Tổng cộng ông A còn nợ bà số tiền hội 21.900.000 đồng. Trong quá trình tổ chức chơi hội, bà chỉ lập danh sách ghi tên hội viên chứ không lập thành văn bản có ký tên hay xác nhận gì.

Khi ông A hốt hui, bà cũng không yêu cầu ông A ký nhận tiền. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông A trả cho bà số tiền hui còn nợ 21.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn không tham gia hui của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn có tham gia các dây hui, đã hốt hui và còn nợ tiền hui như nguyên đơn trình bày. Về tờ “xác nhận ngày 14/3/2019” của trưởng ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre do nguyên đơn cung cấp với nội dung “theo sự hòa giải hai đơn sự Lê Thị B1 và bà Ngô Thị L vào ngày 26/12/2018 về việc hui trong đó có mặt ông Nguyễn Tấn A có hứa với bà L mỗi tháng trả lần 3.000.000 đồng là có sự thật” thì bị đơn cho rằng tại buổi hòa giải ở ấp ông có hứa trả cho bà L mỗi tháng 3.000.000 đồng là do bà U (người sống chung với ông nhưng không đăng ký kết hôn) có hốt hui của bà L rồi bỏ đi khỏi địa phương, bà L nhiều lần đến mắng chửi ông, đồng thời bà L có giữ tiền hui của mẹ ông nên ông hứa như vậy để bà L giao tiền hui cho mẹ ông. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ 21.900.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện. Mặt khác, tờ “xác nhận ngày 14/3/2019” của trưởng ấp T cũng không thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn tiền hui 21.900.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền hui 21.900.000 đồng không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Nhưng do nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 **Bộ luật dân sự 2015; Các điều 30, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Các điều 26, 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L yêu cầu ông Nguyễn Tấn A trả số tiền hụi còn nợ là 21.900.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị L phải nộp 1.095.000 đồng nhưng do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Hoàn trả cho bà Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí 513.000 đồng (Năm trăm mười ba nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000436 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Đĩnh